ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 456 /KH-UBND	*Cà Mau, ngày 31 tháng 7 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP ngày 09/7/2026 của Chính phủ về phát triển công dân số trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP ngày 09/7/2026 của Chính phủ về việc phát triển công dân số (gọi tắt là Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP trên địa bàn tỉnh Cà Mau; cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp giao cho địa phương tại Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP của Chính phủ; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và xây dựng công dân số trên địa bàn tỉnh.

2. Nâng cao hiệu quả cải cách thủ tục hành chính, phát triển dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích số trên ứng dụng định danh quốc gia (VNeID); phát huy vai trò của người dân là trung tâm, chủ thể và động lực của quá trình chuyển đổi số; khuyến khích người dân sử dụng tài khoản định danh điện tử, tích hợp thông tin, giấy tờ và khai thác các dịch vụ số, các tiện ích số trong học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh và đời sống, từng bước hình thành công dân số toàn diện.

3. Đẩy mạnh tích hợp, chia sẻ, khai thác dữ liệu; phát triển và mở rộng các tiện ích trên ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) theo chức năng, nhiệm vụ của địa phương; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, bảo đảm người dân được tiếp cận đầy đủ các chính sách ưu đãi về miễn, giảm phí, lệ phí và các tiện ích số theo quy định của Nghị quyết.

4. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, sự tham gia của tổ chức, doanh nghiệp và người dân để triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao, xác định cụ thể các nội dung công việc, công tác phối hợp, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong tổ chức thực hiện nhằm hoàn thành mục tiêu phát triển công dân số.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền và nâng cao nhận thức về phát triển công dân số

1.1. Tổ chức quán triệt, phổ biến nội dung, mục tiêu, ý nghĩa của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn tỉnh nắm, thực hiện.

1.2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền bằng nhiều hình thức (trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số, mạng xã hội, hệ thống truyền thanh cơ sở…) về quyền lợi, trách nhiệm của công dân khi tham gia trên môi trường số; cách thức thực hiện dịch vụ công; các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước cho người dân khi sử dụng tài khoản định danh điện tử, dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích số trên ứng dụng VNeID.

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; Báo và phát thanh, truyền hình Cà Mau; Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các đơn vị có liên quan.

- Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh (có trách nhiệm biên soạn, xây dựng tài liệu tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp (tờ rơi, infographic, video…) và gửi các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác tuyên truyền).

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và cải cách thủ tục hành chính phục vụ phát triển công dân số

2.1. Trên cơ sở hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, phối hợp triển khai việc thiết kế, tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến để áp dụng trực tiếp các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP theo hướng tích hợp phương thức sử dụng chữ ký số công cộng trên ứng dụng định danh quốc gia để ký số trên các biểu mẫu, tờ khai; bảo đảm bình đẳng, thuận tiện, lấy người dân làm trung tâm và thực hiện công bố theo quy định pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh).

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Theo tiến độ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, báo cáo kết tiến độ thực hiện về Bộ Công an **trước ngày 15/8/2026**.

2.2. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh ban hành quy định về phí, lệ phí đối với các thủ tục hành chính thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí theo Phụ lục II và Phụ lục III của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP; tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành hoặc điều chỉnh các mức phí, lệ phí thuộc thẩm quyền, bảo đảm phù hợp, thống nhất với các quy định của Nghị quyết.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính.

- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành rà soát **trước ngày 15/8/2026**; hoàn thành hồ sơ trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định phí, lệ phí **trước ngày 30/9/2026**.

2.3. Phối hợp rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật quy định về phí, lệ phí, mức thu, chế độ thu… khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công (danh mục ban hành theo Phụ lục IV của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP) theo đề nghị của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan.

- Thời gian thực hiện: Theo tiến độ, hướng dẫn của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, đơn vị có liên quan.

3. Mở rộng sử dụng ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) và các tiện ích số, dịch vụ số, phát triển công dân số trên địa bàn tỉnh

3.1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành danh mục các dịch vụ, tiện ích số của tỉnh tích hợp, triển khai trên ứng dụng định danh quốc gia; tích hợp các tiện ích, dịch vụ số của địa phương trên ứng dụng VNeID theo quy định.

- Đơn vị chủ trì: Các sở, ban, ngành tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Thời gian thực hiện: Theo lộ trình, hướng dẫn của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương.

3.2. Đẩy mạnh thu nhận hồ sơ cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 cho người dân đủ điều kiện tại địa phương; mở tài khoản ngân hàng, cung cấp các dịch vụ thanh toán số, chữ ký số cho người dân; bảo đảm điều kiện để người dân thực hiện quyền tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số trên ứng dụng định danh quốc gia.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 15 thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đơn vị phối hợp: Ủy ban nhân dân các xã, phường; các chi nhánh Ngân hàng trên địa bàn và các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

3.3. Triển khai theo thẩm quyền hoặc tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách hỗ trợ, khuyến khích trong việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ số, nhất là đối với nhóm đối tượng yếu thế (như các chính sách ưu đãi về SIM, truy cập internet, chữ ký số…) nhằm gia tăng tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ số và dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Đơn vị phối hợp: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh); Sở Tư pháp; Sở Tài chính; các sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành **trước ngày 15/8/2026**.

3.4. Phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ trong việc hỗ trợ người dân tiếp cận các tiện ích của công dân số, sử dụng các dịch vụ số (nhất là đối với người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế); tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng ứng dụng định danh quốc gia (VNeID); tích hợp các loại giấy tờ, thông tin cá nhân (theo Phụ

lục I của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP) vào VNeID; thực hiện dịch vụ công trực tuyến; nâng cao kỹ năng an ninh mạng, an toàn thông tin cho thanh thiếu niên và bảo vệ phụ nữ, trẻ em trên môi trường mạng.

- Đơn vị chủ trì: Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; Công an tỉnh; các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4. Kết nối, chia sẻ dữ liệu và bảo đảm hạ tầng phục vụ phát triển công dân số

4.1. Phối hợp thực hiện việc cập nhật, cấu hình Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung cấp bộ, cấp tỉnh theo hướng dẫn của Bộ, ngành chủ quản hệ thống; đảm bảo việc thu phí, lệ phí theo quy định tại Nghị quyết.

- Đơn vị chủ trì: Các sở, ban, ngành tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (trực tiếp là Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh), Sở Khoa học và Công nghệ.

- Thời gian thực hiện: Theo lộ trình, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương chủ quản hệ thống.

4.2. Triển khai các nhiệm vụ phục vụ tích hợp tiện ích, dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng được cấp trên ứng dụng định danh quốc gia trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương có liên quan.

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Đơn vị phối hợp: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (trực tiếp là Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh), Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Theo lộ trình, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương có liên quan.

5. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Công dân số Việt Nam (ngày 15/10) hằng năm, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

- Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định có liên quan, bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách.

2. Giao Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương có liên quan tham mưu bố trí, cân đối các nguồn lực triển khai thực hiện Kế hoạch này theo đúng quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này, các sở, ban, ngành tỉnh, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao; bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ đề ra. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Công an tỉnh) **trước ngày 15/12 hằng năm** (lồng ghép vào Báo cáo năm kết quả triển khai thực hiện Đề án 06; cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06).

2. Giao Công an tỉnh chủ trì, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Công an theo quy định; tổng hợp khó khăn, vướng mắc của các đơn vị trong quá trình thực hiện và hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung Kế hoạch này./.

Nơi nhận:
- Bộ Công an (báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thành viên Tổ Công tác Đề án 06; cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 tỉnh Cà Mau (theo Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 25/6/2026);
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- KGVX (K_{04});
- Lưu: VT. Đ101, KP234/7.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Vũ Thăng